

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 58

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 32 ngày 22/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.200.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn) được chia thành 220.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
Ông Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Thanh Sơn	Thành viên	
Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên	
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022

Thành viên Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng
Bà Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên Ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. Trụ sở

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 38 - 40, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THANH SƠN

Số: 35/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã Tư Sở (đầu tư vào đơn vị khác) để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2023-242-1

Nguyễn Văn Dũng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0156-2023-242-1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.010.893.596.553	1.072.797.656.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.437.244.500	55.469.027.028
1. Tiền	111		31.737.244.500	41.983.853.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	13.485.173.081
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.14	400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		880.420.139.899	944.684.597.613
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	246.609.214.479	238.419.441.338
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	352.831.683.627	353.442.824.070
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	171.467.822.067	242.655.622.067
4. Các khoản phải thu khác	136	5.7	105.769.283.945	106.566.414.405
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(2.768.045.856)	(2.909.885.904)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	6.510.181.637	6.510.181.637
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	48.190.075.753	37.274.474.787
1. Hàng tồn kho	141		48.190.075.753	37.274.474.787
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.446.136.401	35.369.557.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	18.739.206.032	19.318.686.877
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.677.066.419	15.337.865.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	16.029.863.950	713.005.262
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.939.885.870.961	1.952.792.239.824
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.496.632.671	10.302.350.311
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.382.025.188	9.203.258.828
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	1.210.942.865	1.195.426.865
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(96.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	220		577.991.811.445	577.369.288.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	531.526.879.620	530.596.534.409
- Nguyên giá	222		787.251.720.105	765.479.551.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.724.840.485)	(234.883.016.988)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	46.464.931.825	46.772.754.469
- Nguyên giá	228		49.827.523.114	49.827.523.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.362.591.289)	(3.054.768.645)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	101.854.083.199	105.527.918.731
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.672.933.623)	(25.999.098.091)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Mẫu số B 01 – DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		767.266.623.559	733.216.261.678
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.10	510.188.370.115	466.315.603.794
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	257.078.253.444	266.900.657.884
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	199.387.619.291	227.927.641.616
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		134.378.922.187	162.918.944.512
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.303.697.104	66.303.697.104
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		282.889.100.796	298.448.778.610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	245.789.032.615	256.853.057.825
2. Lợi thế thương mại	269		37.100.068.181	41.595.720.785
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.950.779.467.514	3.025.589.896.432

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

thus

DƯƠNG THI LAM

VŨ THANH SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	390.119.434.024	618.554.851.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	178.058.000	50.201.051
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		389.941.376.024	618.504.650.865
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	273.858.387.600	530.671.990.284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		116.082.988.424	87.832.660.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	40.452.513.663	76.209.969.220
7. Chi phí tài chính	22	6.5	50.332.183.683	48.114.605.067
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.880.045.833	45.269.185.910
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		19.269.597.676	4.014.569.521
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	53.045.469.875	49.157.205.780
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	86.173.419.000	89.312.831.539
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.745.972.795)	(18.527.443.064)
12. Thu nhập khác	31	6.6	6.101.676.082	20.041.081.012
13. Chi phí khác	32	6.7	4.577.012.011	3.139.989.657
14. Lợi nhuận khác	40		1.524.664.071	16.901.091.355
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.221.308.724)	(1.626.351.709)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	619.780.279	221.793.124
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(12.841.089.003)	(1.848.144.833)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(12.579.408.384)	989.800.699
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(261.680.619)	(2.837.945.532)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(57,19)	4,50
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	(57,19)	4,50

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Mẫu số B 03 – DN/HN**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.221.308.724)	(1.626.351.709)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		34.034.302.732	29.464.026.627
- Các khoản dự phòng	03		(71.840.048)	941.863.800
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.135.234.026	63.503.003
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.244.467.719)	(74.586.576.113)
- Chi phí lãi vay	06		46.880.045.833	45.269.185.910
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.511.966.100	(474.348.482)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.631.844.664)	72.358.123.630
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.915.600.966)	9.718.202.832
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(68.775.623.491)	(29.412.646.022)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.643.506.055	(28.899.412.613)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.344.150.725)	(47.213.941.313)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(605.410.467)	284.764.356
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.024.083.268)	(217.840.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(106.141.241.426)	(23.857.098.071)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.290.581.126)	(42.997.300.864)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.215.063.211	1.395.854.488
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.712.200.000)	(149.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		113.500.000.000	237.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		46.598.330.355	12.230.480.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.516.241.991	29.093.201.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		109.826.854.431	87.722.235.324

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 03- DN/HN**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		194.462.874.496	409.221.182.755
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(220.365.433.886)	(435.501.325.245)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(133.980.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.036.539.390)	(26.280.142.490)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.350.926.385)	37.584.994.763
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55.469.027.028	17.832.797.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(680.856.143)	51.234.820
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		32.437.244.500	55.469.027.028

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 32 ngày 22/10/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2022 là 2.200.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*), tương đương 220.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần 10.000VND/cổ phần.

Cổ phần của Tổng Công ty đang đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM. Mã cổ phiếu là: HTM.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng ;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia);
- Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhập khẩu ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng Công ty có các Công ty con gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	83,42%	83,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	KCN Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân	52,50%	52,50%	Số 11B, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro bốn mùa	59,87%	59,87%	Số nhà 172 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương	54,13%	54,13%	Số 150, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước	83,69%	83,69%	Tổ 4, Ấp Thuận Hải, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- (1) Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105384642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2011, thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 61.591.000.000 đồng (*Sáu mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu đồng*), được chia thành 6.159.100 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (2) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (3) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (4) Công ty Cổ phần Ẩm thực Hapro bốn mùa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104175117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 17.035.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ không trăm ba lăm triệu đồng*), được chia thành 1.703.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (5) Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800009770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 22.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

- (6) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*), được chia thành 6.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng Công ty có các Công ty liên kết gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	31,19%	Số 47, Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương
5	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội
7	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
8	Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Tràng Thi - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Phòng 1602 VP3 - Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	30,00%	Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Tây Hồ - Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 24 – 26 Trần Nhật Duật – Hoàn Kiếm – Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
14	Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	42,33%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
15	Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	25,5%	25,5%	Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	20,00%	20,00%	Khu công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(1) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 24.800.000.000 đồng (*Hai mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng*), được chia thành 248.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(5) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(7) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(8) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(10) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(11) Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ chợ Bưởi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(12) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28 tháng 06 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(13) Công ty Cổ phần Thủy Tạ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 06 tháng 05 năm 2022.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(14) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(15) Công ty Cổ phần Phân phối Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104600241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(16) Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103828564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), được chia thành 200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	Tầng 6, số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 – Giảng Võ – Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	Tầng 6, số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối - Đông Anh - Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Đền Lừ - Hoàng Mai - Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47 - Đông Anh - Hà Nội
7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77 – 79 - Phó Đức Chính - Quận 1 - Hồ Chí Minh
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B - Tân Dương - Lai Vung – Đồng Tháp
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Tổ dân phố Trại – Phường Dị Sử - Thị xã Mỹ Hào – Tỉnh Hưng Yên

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (Công ty mẹ), và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất với Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

III. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022: 358 người.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên, doanh liên kết và đầu tư khác***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--|-------------------------------|
| - Hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền tháng |
| - Các công trình xây dựng | Thực tế đích danh |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc

05 - 50 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 20 năm

6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là bất động sản do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Tổng Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm).

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá trị khối lượng xây lắp bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, khấu hao TSCĐ, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Tổng Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

20. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ thông thường của Tổng Công ty là 5%, 8% và 10%.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu là 0%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu số B 09-HN/DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

22. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-HN/DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.5.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tổng Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Bắc và miền Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	3.220.408.742	3.905.881.304
Tiền gửi ngân hàng	25.495.535.799	37.206.702.753
Tiền đang chuyển	3.021.299.959	871.269.890
Các khoản tương đương tiền (*)	700.000.000	13.485.173.081
Cộng	32.437.244.500	55.469.027.028

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	246.609.214.479	238.419.441.338
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	33.367.270.029	32.312.522.393
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	73.037.682.371	67.506.106.732
Phải thu đối tượng khác	140.204.262.079	138.600.812.213
b) Phải thu khách hàng dài hạn	9.382.025.188	9.203.258.828
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	1.346.186.666	1.346.186.666
Công ty TNHH Dững Thuỷ	2.227.488.345	2.227.488.345
Đối tượng khác	5.808.350.177	5.629.583.817
Cộng	255.991.239.667	247.622.700.166

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	352.831.683.627	353.442.824.070
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Phúc An	130.496.287.381	124.844.680.827
Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát	33.096.646.255	32.304.478.970
Trả trước khách hàng khác	189.238.749.991	196.293.664.273
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	352.831.683.627	353.442.824.070

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Du lịch Hải An	-	113.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	41.812.200.000	-
Đối tượng khác	22.750.000.000	22.750.000.000
Cộng	171.467.822.067	242.655.622.067

Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 . NỢ XẤU

a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Liên kết Nguồn lực	-	-	-	121.094.666
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Hà Nội	84.467.075	-	(84.467.075)	84.467.075
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Việt Hà	192.433.666	-	(192.433.666)	192.433.666
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thái Bình	69.156.640	-	(69.156.640)	69.156.640
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu An Lạc	20.034.401	-	(20.034.401)	20.034.401
Trường mầm non tư thực Hoàng Gia	476.649.141	-	(476.649.141)	476.649.141
Công ty TNHH VAC	1.047.776.190	-	(1.047.776.190)	1.047.776.190
Chi nhánh Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	184.336.628	-	(184.336.628)	184.336.628
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	63.720.000	-	(63.720.000)	63.720.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Thanh Thảo	96.601.815	-	(96.601.815)	96.601.815
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường An	100.500.027	-	(100.500.027)	100.500.027
Đối tượng khác	432.370.273	-	(432.370.273)	453.115.655
Cộng	2.768.045.856	-	(2.768.045.856)	2.909.885.904

b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
Các đối tượng khác	96.335.382	-	(96.335.382)	96.335.382
Cộng	96.335.382	-	(96.335.382)	96.335.382

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	17.001.740.165	-	14.808.272.204	-
Công cụ, dụng cụ	17.976.208	-	15.098.040	-
Chi phí SXKD dở dang	1.173.789.946	-	1.234.270.601	-
Thành phẩm nhập kho	111.537.677	-	3.748.556.299	-
Hàng hóa	28.671.849.938	-	16.149.632.670	-
Hàng hóa bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Hàng gửi bán	2.248.486	-	107.711.640	-
Cộng	48.190.075.753	-	37.274.474.787	-

5.7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	105.769.283.945	-	106.566.414.405	-
Tạm ứng	14.305.241.559	-	10.349.277.546	-
Phải thu khác	91.464.042.386	-	96.217.136.859	-
+ Sở Tài chính Hà Nội	38.508.516.474	-	38.508.516.474	-
+ Đối tượng khác	52.955.525.912	-	57.708.620.385	-
b) Dài hạn	1.210.942.865	-	1.195.426.865	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.160.542.865	-	1.195.426.865	-
Phải thu khác	50.400.000	-	-	-

5.8 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá trị	Giá trị
Hàng tồn kho	6.510.181.637	6.510.181.637
Cộng	6.510.181.637	6.510.181.637

5.9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá trị	Giá trị
a) Ngắn hạn	18.739.206.032	19.318.686.877
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	18.739.206.032	19.318.686.877
b) Dài hạn	245.789.032.615	256.853.057.825
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	228.699.253.803	236.652.904.717
Chi phí thương hiệu	17.089.778.812	20.200.153.108
Cộng	264.528.238.647	276.171.744.702

5.10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	510.188.370.115	-	466.315.603.794	-
Cộng	510.188.370.115	-	466.315.603.794	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.10 TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022	01/01/2022
+ Dự án Trung tâm Phân phối và Mua sắm Hà Nội	65.540.028.746	61.621.947.720
+ Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng	132.065.142.962	119.984.951.758
+ Xây dựng cơ bản khác	59.473.081.736	80.757.526.940
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.536.231.466
Cộng	257.078.253.444	266.900.657.884

5.11 TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	131.527.016.822	-	-	131.527.016.822
Nhà	97.669.924.568	-	-	97.669.924.568
Cơ sở hạ tầng	33.857.092.254	-	-	33.857.092.254
Giá trị hao mòn lũy kế	25.999.098.091	3.673.835.532	-	29.672.933.623
Nhà	12.707.813.642	2.748.048.765	-	15.455.862.407
Cơ sở hạ tầng	13.291.284.449	925.786.767	-	14.217.071.216
Giá trị còn lại	105.527.918.731	-	3.673.835.532	101.854.083.199
Nhà	84.962.110.926	-	2.748.048.765	82.214.062.161
Cơ sở hạ tầng	20.565.807.805	-	925.786.767	19.640.021.038

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm tiền vay: 49.918.317.411 VND
- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn nắm giữ cho thuê hoặc chờ tăng giá: 0 VND

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình		Cộng
					khác		
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm	699.471.133.881	44.224.208.880	13.392.987.495	3.267.301.328	5.123.919.813		765.479.551.397
Tăng trong năm	27.746.126.689	-	-	-	-		27.746.126.689
- Mua trong năm	-	-	-	-	-		-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	27.746.126.689	-	-	-	-		27.746.126.689
- Tăng khác	-	-	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	3.020.503.398	2.911.073.633	42.380.950	-		5.973.957.981
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.020.503.398	1.910.887.272	42.380.950	-		4.973.771.620
- Giảm khác	-	-	1.000.186.361	-	-		1.000.186.361
Số dư cuối năm	727.217.260.570	41.203.705.482	10.481.913.862	3.224.920.378	5.123.919.813		787.251.720.105
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	205.348.630.783	16.841.378.780	9.380.127.908	1.900.430.995	1.412.448.522		234.883.016.988
Tăng trong năm	23.219.986.463	1.356.755.342	736.266.522	206.418.385	37.565.239		25.556.991.951
- Số khấu hao trong năm	23.219.986.463	1.356.755.342	736.266.522	206.418.385	37.565.239		25.556.991.951
Giảm trong năm	-	2.447.636.763	2.225.150.741	42.380.950	-		4.715.168.454
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.447.636.763	1.224.964.380	42.380.950	-		3.714.982.093
- Giảm khác	-	-	1.000.186.361	-	-		1.000.186.361
Số dư cuối năm	228.568.617.246	15.750.497.359	7.891.243.689	2.064.468.430	1.450.013.761		255.724.840.485
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	494.122.503.098	27.382.830.100	4.012.859.587	1.366.870.333	3.711.471.291		530.596.534.409
2. Tại ngày cuối năm	498.648.643.324	25.453.208.123	2.590.670.173	1.160.451.948	3.673.906.052		531.526.879.622
• Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng							
• Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp khoản vay:							
				21.505.390.369	VND		
				978.525.982	VND		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	45.845.913.581	3.949.109.533	32.500.000	49.827.523.114
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	45.845.913.581	3.949.109.533	32.500.000	49.827.523.114
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.022.268.645	32.500.000	3.054.768.645
Tăng trong năm	-	307.822.644	-	307.822.644
- Số khấu hao trong năm	-	307.822.644	-	307.822.644
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.330.091.289	32.500.000	3.362.591.289
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	45.845.913.581	926.840.888	-	46.772.754.469
2. Tại ngày cuối năm	45.845.913.581	619.018.244	-	46.464.931.825

• Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo khoản vay: 2.797.236.000 đồng.

• Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.928.885.450 đồng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09- DN/HN

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a1) Ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

01/01/2022

31/12/2022

Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
400.000.000	400.000.000	-	-
400.000.000	400.000.000	-	-

Cộng

(*) Hợp đồng tiền gửi số 0116066 00G ngày 26 tháng 08 năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm; kỳ hạn 6 tháng; số tiền 400.000.000 VND; lãi suất 4,7%.

b) Đầu tư vào các công ty liên kết

31/12/2022

01/01/2022

	Giá trị đầu tư theo		Giá trị đầu tư theo	
	Tỷ lệ sở hữu phương sở hữu	pháp chủ	Tỷ lệ sở hữu phương sở hữu	pháp chủ
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30%	16.067.359.336	30%	13.453.745.284
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	0,00%	-	38,42%	28.399.852.303
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	9.474.512.817	31,19%	9.278.805.576
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	4.278.040.614	42,33%	4.327.749.293
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	20,00%	7.917.448.232	33,42%	12.989.236.055
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	40,00%	-	40,00%	-
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	1.018.040.953	26,77%	1.002.430.555
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94%	12.528.678.065	30,94%	11.247.639.790
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	40,00%	19.600.597.612	40,00%	19.638.307.353
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	42,38%	21.631.277.184	42,38%	20.993.692.418

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Đầu tư vào các công ty liên kết

Mẫu số B 09- DN/HN

31/12/2022

01/01/2022

	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Khách sạn Tráng Thi	30,00%	2.511.404.500	30,00%	2.642.242.940
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	16.668.794.614	30,00%	11.847.952.205
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	4.236.761.985	30,00%	4.257.875.114
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	18.446.006.275	20,00%	22.839.415.626
Cộng		134.378.922.187		162.918.944.512

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	-	(*)	-	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	-	(*)	16.506.975.469	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	(1.295.000.000)	(*)	1.295.000.000	(1.295.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	-	(*)	780.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu	22.973.117.966	-	(*)	22.973.117.966	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tráng Tiền	10.065.485.897	-	(*)	10.065.485.897	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	-	(*)	5.818.871.221	-	(*)
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	(*)	5.550.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	-	(*)	2.014.246.551	-	(*)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	-	-	(*)	-	-	(*)
Đối tượng khác	300.000.000	-	(*)	300.000.000	-	(*)
Cộng	66.303.697.104	(1.295.000.000)	(*)	66.303.697.104	(1.295.000.000)	(*)

(*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc số 8.3 (iv) - Giá trị hợp lý

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09a - DN/HN

c) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

	31/12/2022				01/01/2022			
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	3,30%	3,30%	-	3,30%	3,30%	3,30%	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	15%	15%	16.506.975.469	15%	15%	15%	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	6,11%	6,11%	1.295.000.000	6,11%	6,11%	6,11%	
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	0,50%	0,50%	780.000.000	0,50%	0,50%	0,50%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	22.973.117.966	2,40%	3,20%	22.973.117.966	3,20%	3,20%	3,20%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	10,00%	10,00%	10,00%	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tráng Tiền	10.065.485.897	10,00%	10,00%	10.065.485.897	10,00%	10,00%	10,00%	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	5,77%	6,00%	5.818.871.221	6,00%	6,00%	6,00%	
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	-	5.550.000.000	-	-	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	5,00%	5,00%	2.014.246.551	5,00%	5,00%	5,00%	
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	-	5,00%	5,00%	-	5,00%	5,00%	5,00%	
Đối tượng khác	300.000.000	0,25%	0,25%	300.000.000	0,25%	0,25%	0,25%	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	28.414.018.017	28.414.018.017	32.131.759.960	32.131.759.960
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	5.045.419.663	5.045.419.663	5.045.419.663	5.045.419.663
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu và Bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	1.000.751.093	1.000.751.093	123.796.695	123.796.695
Đối tượng khác	21.275.773.218	21.275.773.218	25.870.469.559	25.870.469.559
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.414.018.017	28.414.018.017	32.131.759.960	32.131.759.960
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)				

5.16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.619.328.481	2.619.328.481	14.262.235.867	14.262.235.867
Bozkus Ic Ve Dis Ticaret Limit	353.834.400	353.834.400	353.834.400	353.834.400
Fertoz Agricul Ture Pty,Ltd.	-	-	1.163.664.662	1.163.664.662
Siigma Distributors	479.536.328	479.536.328	1.016.743.752	1.016.743.752
Các đối tượng khác	1.785.957.753	1.785.957.753	11.727.993.053	11.727.993.053
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	29.053.420.249	29.053.420.249	55.699.264.705	55.699.264.705
Vũ Thị Thanh Mai	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032
Nguyễn Văn Thịnh	-	-	2.324.806.381	2.324.806.381
Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103
Các đối tượng khác	24.350.149.114	24.350.149.114	48.671.187.189	48.671.187.189
Cộng	31.672.748.730	31.672.748.730	69.961.500.572	69.961.500.572

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

5.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí phải trả	9.076.008.184	6.688.217.889
Cộng	9.076.008.184	6.688.217.889

5.18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	12.919.037.462	5.574.722.466
Doanh thu nhận trước	12.919.037.462	5.574.722.466
b) Dài hạn	102.298.560.518	58.936.937.637
Doanh thu nhận trước	102.298.560.518	58.936.937.637
Cộng	115.217.597.980	64.511.660.103

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT	792.611.899	13.940.084.913	13.798.117.890	934.578.922
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.765.979	44.278.000	56.883.295	9.160.684
Thuế xuất, nhập khẩu	-	415.208.173	415.208.173	-
Thuế TNDN	15.291.691	122.439.587	104.045.691	33.685.587
Thuế TNCN	240.935.154	1.237.470.030	1.279.378.006	199.027.178
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	574.628.228	75.268.168.961	75.829.884.487	12.912.702
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	8.239.775	4.129.180.810	4.124.854.243	12.566.342
Cộng	1.653.472.726	95.156.830.474	95.608.371.785	1.201.931.415

b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT	1.248.354	4.753.541	-	6.001.895
Thuế TNDN	492.986.911	501.364.776	496.094.692	498.256.995
Thuế xuất nhập khẩu		40.000.000	-	40.000.000
Thuế TNCN	20.505.056	230.438	204.082	20.531.412
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	198.264.941	3.000.000	43.751.646	157.513.295
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		15.307.560.353	-	15.307.560.353
Cộng	713.005.262	15.856.909.108	540.050.420	16.029.863.950

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.20 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	15.690.269.738	63.138.339.649
- Tài sản thừa chờ giải quyết	31.013.699	60.535.451
- Kinh phí công đoàn;	199.808.217	251.261.585
- Bảo hiểm xã hội;	493.768.222	550.539.479
- Bảo hiểm y tế	44.059.858	49.597.565
- Bảo hiểm thất nghiệp;	61.508.295	60.535.022
- Phải trả về cổ phần hoá;	9.637.932	9.637.932
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	501.612.600	314.853.600
- Phải thu khác	81.998.714	-
- Phải trả khác	14.266.862.201	61.841.379.015
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji	-	50.000.000.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.266.862.201	11.841.379.015
b) Dài hạn	15.308.027.365	13.195.319.995
Phải trả, phải nộp khác	2.123.000.000	2.296.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.185.027.365	10.898.819.995

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

01/01/2022

Số có khả năng trả
nợ

Trong năm

Giá trị

Giảm

Tăng

Số có khả năng trả
nợ

a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	240.174.817.274	240.174.817.274	243.873.909.285	219.849.264.816	216.150.172.805	216.150.172.805
a1) Vay ngắn hạn	84.775.899.378	84.775.899.378	150.428.703.249	219.166.503.112	153.513.699.241	153.513.699.241
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	930.190	22.542.718.540	22.541.788.350	22.541.788.350
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	15.997.500.000	15.997.500.000	79.365.790.000	82.668.690.000	19.300.400.000	19.300.400.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	-	-	2.363.000.000	25.445.232.000	23.082.232.000	23.082.232.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	6.584.160.036	6.584.160.036	27.294.991.125	47.993.184.417	27.282.353.328	27.282.353.328
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp)	18.842.917.473	18.842.917.473	35.801.964.216	30.536.690.017	13.577.643.274	13.577.643.274
Ngân hàng TMCP SHB - Phòng giao dịch Lạc Long Quân	-	-	-	1.037.000.000	1.037.000.000	1.037.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	8.649.009.674	8.649.009.674	3.727.273	164.000.000	8.809.282.401	8.809.282.401
Vay cá nhân và nguồn vốn huy động từ các đơn vị khác	24.663.111.348	24.663.111.348	295.150.000	402.000.000	24.769.961.348	24.769.961.348
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	7.753.804.902	7.753.804.902	-	1.173.233.638	8.927.038.540	8.927.038.540

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.285.395.945	2.285.395.945	5.303.150.445	7.203.754.500	4.186.000.000	4.186.000.000
a2) Vay dài hạn tới hạn trả	155.398.917.896	155.398.917.896	93.445.206.036	682.761.704	62.636.473.564	62.636.473.564
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	151.708.728.234	151.708.728.234	89.755.016.374	682.761.704	62.636.473.564	62.636.473.564
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	740.029.307	740.029.307	740.029.307	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	2.950.160.355	2.950.160.355	2.950.160.355	-	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	224.641.995.053	224.641.995.053	44.034.171.247	93.961.375.106	274.569.198.912	274.569.198.912
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	740.029.307	740.029.307	740.029.307
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án khu nhà ở	177.303.960.476	177.303.960.476	-	88.700.000.000	266.003.960.476	266.003.960.476
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Thương Đình	3.638.034.577	3.638.034.577	2.034.171.247	1.224.530.644	2.828.393.974	2.828.393.974
Vay cá nhân	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	3.296.815.155	3.296.815.155	3.296.815.155
Cộng	464.816.812.327	464.816.812.327	287.908.080.532	313.810.639.922	490.719.371.717	490.719.371.717

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	19.215.630.448	33.437.085.252	10.537.593.042	2.279.838.585.941
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.019.535.751	-	-	4.019.535.751
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(239.583.269)	(239.583.269)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(2.837.945.532)	-	989.800.699	(1.848.144.833)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.129.940.453)	(5.129.940.453)
Số dư cuối năm trước	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	20.397.220.667	33.437.085.252	6.157.870.019	2.276.640.453.136
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	346.052.190	346.052.190
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(181.750.244)	-	(116.969.632)	(298.719.876)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(261.680.619)	-	(12.579.408.384)	(12.841.089.003)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(98.064.359)	-	-	(98.064.359)
Số dư cuối năm	2.200.000.000.000	315.664.802	27.572.162	(529.920.000)	16.834.960.235	19.855.725.445	33.437.085.252	(6.192.455.807)	2.263.748.632.089

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	65,00%	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản nghỉ dưỡng Quảng Nam	15,80%	347.584.690.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean	5,27%	115.846.000.000	19.046.000.000
Công ty TNHH TM Ô tô Thành Công	12,68%	278.981.250.000	275.781.250.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú	0,00%	-	424.375.690.000
Các Cổ đông khác	1,25%	27.588.060.000	50.797.060.000
Tổng	100%	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	220.000.000	220.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41.400	41.400
- Cổ phiếu phổ thông	41.400	41.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.958.600	219.958.600
- Cổ phiếu phổ thông	219.958.600	219.958.600
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	33.437.085.252	33.437.085.252
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.572.162	27.572.162

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****a) Doanh thu**

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu thành phẩm hàng hóa	233.027.175.214	491.432.823.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.350.132.038	125.378.734.981
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.742.126.772	1.743.293.931
Cộng	390.119.434.024	618.554.851.916

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Chiết khấu thương mại

Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
-	12.594.266
178.058.000	37.606.785
178.058.000	50.201.051

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn thành phẩm, hàng hóa

Giá vốn dịch vụ

Giá vốn kinh doanh bất động sản

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
192.954.539.207	429.698.437.632
79.405.641.765	100.047.765.888
1.498.206.628	925.786.764
273.858.387.600	530.671.990.284

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, cho vay

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi chênh lệch tỷ giá

Lãi từ thanh lý công ty liên kết

Doanh thu tài chính khác

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
22.777.712.313	46.009.227.480
8.531.150.073	16.491.203.875
5.256.715.145	2.267.575.877
3.864.179.733	-
22.756.399	11.441.961.988
40.452.513.663	76.209.969.220

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá

Dự phòng đầu tư tài chính

Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
46.880.045.833	45.269.185.910
3.452.137.850	1.505.823.186
-	1.295.001.846
-	44.594.125
50.332.183.683	48.114.605.067

6.6 . THU NHẬP KHÁC

Lãi từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ

+ Chi từ hoạt động thanh lý TSCĐ

Tiền phạt, tiền đền bù thu được

Thu từ cho thuê tài sản với các cửa hàng

Các khoản khác

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
510.654.800	324.633.169
510.654.800	652.672.671
-	328.039.502
1.417.869.590	1.332.941.701
2.383.349.140	1.752.040.629
1.789.802.552	16.631.465.513
6.101.676.082	20.041.081.012

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

Lỗ từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán

Các khoản phạt

Thanh lý công cụ dụng cụ

Các khoản khác

Cộng

Năm 2022	Năm 2021
555.905.556	769.074.501
704.408.411	743.181.816
1.260.313.967	1.512.256.317
3.907.643.075	54.984.000
-	56.140.650
113.463.380	2.259.790.506
4.577.012.011	3.139.989.657

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2022	Năm 2021
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	53.045.469.875	49.157.205.780
Chi phí nhân viên	17.395.550.607	18.491.980.563
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	898.638.221	799.864.463
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	566.233.528	456.801.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.842.357.593	2.994.943.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.217.656.972	16.635.879.392
Chi phí khác bằng tiền	4.125.032.954	9.777.736.500
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	86.173.419.000	89.312.831.539
Chi phí nhân viên	27.813.494.331	31.811.643.714
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.726.699	180.734.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	387.528.129	507.569.671
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.420.002.716	14.613.982.580
Thuế, phí và lệ phí	436.973.103	475.429.543
Chi phí dự phòng	(121.094.666)	184.336.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.508.969.632	11.591.458.454
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.462.866	159.825.090
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.499.356.190	29.787.851.799
Cộng	139.218.888.875	138.470.037.319
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.602.563.244	1.057.967.096
Chi phí nhân công	54.622.653.853	30.479.816.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.538.650.127	26.476.399.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.189.600.651	25.372.584.453
Chi phí khác	54.379.102.826	11.829.745.825
Cộng	213.456.766.698	95.216.513.507
6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	619.780.279	221.793.124
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	619.780.279	221.793.124
6.11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	(12.579.408.384)	989.800.699
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	219.958.600	219.958.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(57,19)	4,50
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(57,19)	4,50

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2022

194.462.874.496

Năm 2021

409.221.182.755

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm 2022

(220.365.433.886)

Năm 2021

(435.501.325.245)

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.3.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

Thông tin kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Năm 2022

CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	292.764.932.335	97.354.501.689	390.119.434.024
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.423.000	157.635.000	178.058.000
Giá vốn hàng bán	186.420.451.454	87.437.936.146	273.858.387.600
Lợi nhuận gộp			116.082.988.424
Tổng tài sản	106.324.057.881	9.758.930.543	2.950.779.467.514
Nợ phải trả			687.030.835.425
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			41.843.102.342
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			48.032.712.946
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	311.641.571.126	306.913.280.790	618.554.851.916
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.201.051	-	50.201.051
Giá vốn hàng bán	230.993.861.057	299.678.129.227	530.671.990.284
Lợi nhuận gộp	80.597.509.018	7.235.151.563	87.832.660.581
Tổng tài sản			3.025.589.896.432
Nợ phải trả			748.949.443.296
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			54.549.822.080
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			43.462.436.841
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

8.3.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	233.027.175.214	155.350.132.038	1.742.126.772	390.119.434.024
Các khoản giảm trừ doanh thu	178.058.000	-	-	178.058.000
Giá vốn hàng bán	192.954.539.207	79.405.641.765	1.498.206.628	273.858.387.600
Lợi nhuận gộp	39.894.578.007	75.944.490.273	243.920.144	116.082.988.424

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	491.432.823.004	125.378.734.981	1.743.293.931	618.554.851.916
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.201.051	-	-	50.201.051
Giá vốn hàng bán	429.698.437.632	100.047.765.888	925.786.764	530.671.990.284
Lợi nhuận gộp	61.684.184.321	25.330.969.093	817.507.167	87.832.660.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty).

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
31/12/2022	556.683.564.991	211.275.587.344	767.959.152.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.437.244.500	-	32.437.244.500
Phải thu khách hàng	246.609.214.479	9.382.025.188	255.991.239.667
Đầu tư	400.000.000	200.682.619.291	201.082.619.291
Phải thu khác	105.769.283.945	1.210.942.865	106.980.226.810
Phải thu về cho vay	171.467.822.067	-	171.467.822.067
Trừ:	(2.768.045.856)	(1.391.335.382)	(4.159.381.238)
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.768.045.856)	(96.335.382)	(2.864.381.238)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
Tổng cộng	553.915.519.135	209.884.251.962	763.799.771.097
Các khoản vay và nợ	240.174.817.274	224.641.995.053	464.816.812.327
Phải trả người bán	28.414.018.017	-	28.414.018.017
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	24.766.277.922	15.308.027.365	40.074.305.287
Tổng cộng	293.355.113.213	239.950.022.418	533.305.135.631
Chênh lệch thanh khoản thuần	260.560.405.922	(30.065.770.456)	230.494.635.466
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2022	643.110.504.838	239.621.327.309	882.731.832.147
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.469.027.028	-	55.469.027.028
Phải thu khách hàng	238.419.441.338	9.203.258.828	247.622.700.166
Đầu tư	-	229.222.641.616	229.222.641.616
Phải thu về cho vay	242.655.622.067	-	242.655.622.067
Phải thu khác	106.566.414.405	1.195.426.865	107.761.841.270
Tài sản tài chính khác			
Trừ:	(2.909.885.904)	(1.391.335.382)	(4.301.221.286)
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.909.885.904)	(96.335.382)	(3.006.221.286)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
Tổng cộng	640.200.618.934	238.229.991.927	878.430.610.861
Các khoản vay và nợ	216.150.172.805	274.569.198.912	490.719.371.717
Phải trả người bán	32.131.759.960	-	32.131.759.960
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	69.826.557.538	13.195.319.995	83.021.877.533
Tổng cộng	318.108.490.303	287.764.518.907	605.873.009.210
Chênh lệch thanh khoản thuần	322.092.128.631	(49.534.526.980)	272.557.601.651

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	362.971.466.477	355.384.541.436	362.971.466.477	355.384.541.436
Phải thu về cho vay	171.467.822.067	242.655.622.067	171.467.822.067	242.655.622.067
Các khoản Đầu tư tài chính vào đơn vị khác	201.082.619.291	229.222.641.616	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.437.244.500	55.469.027.028	32.437.244.500	55.469.027.028
Tổng cộng	767.959.152.335	882.731.832.147	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	464.816.812.327	490.719.371.717	464.816.812.327	490.719.371.717
Phải trả người bán	28.414.018.017	32.131.759.960	28.414.018.017	32.131.759.960
Phải trả khác và chi phí phải trả	40.074.305.287	83.021.877.533	40.074.305.287	83.021.877.533
Tổng cộng	533.305.135.631	605.873.009.210	533.305.135.631	605.873.009.210

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****Bên liên quan**

Nguyễn Thái Dũng

Vũ Thanh Sơn

Trần Anh Tuấn

Trần Thị Tuyết Nhung

Khúc Thị Quỳnh Lâm

Trần Huệ Linh

Dương Thị Lam

Đỗ Tuệ Tâm

Lê Anh Tuấn

Nguyễn Hồng Hải

Nguyễn Trọng Hiên

Vũ Thị Quỳnh Trang

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển

Hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng

Công ty Cổ phần ĐTTM và Dịch vụ Chợ Bưởi

Công ty Cổ phần thông tin Hapro

Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên

Công ty TNHH Cao ốc Á Châu

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội

Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Thành viên Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm ngày 06/05/2022

Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Trưởng ban Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**a) Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Sửa Hà Nội	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	Công ty nhận vốn góp
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Thương mại Ô tô Thành Công	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Cùng công ty mẹ

b) Thu nhập trong năm của các thành viên trong Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

		Năm 2022
Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch HĐQT	260.000.000
Vũ Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	130.000.000
Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	130.000.000
Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	130.000.000
Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	80.000.000
Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	1.230.776.011
Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng	788.673.750
Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc	640.706.000
Lê Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	651.500.000
Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban Kiểm soát	130.000.000
Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên ban Kiểm soát	65.000.000
Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên ban Kiểm soát	65.000.000
Cộng		4.301.655.761

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

c) Giao dịch với các bên liên quan**Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng		16.166.059.318	13.406.566.033
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Bán hàng	433.590.473	181.502.498
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	Bán hàng	1.694.422.481	1.932.579.153
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Bán hàng	5.537.287.147	5.732.432.424
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Bán hàng	1.235.448.054	1.933.787.598
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Bán hàng	15.904.274	93.360.991
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Bán hàng	13.248.800	487.135.188
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Bán hàng	847.330.000	469.362.715
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Bán hàng	289.931.175	
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Bán hàng	1.731.716.510	1.515.867.469
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Bán hàng	3.869.487.655	439.012.301
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	Bán hàng	17.396.364	
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Bán hàng	-	5.187.700
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Bán hàng	480.296.385	616.337.996

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Mua hàng		15.154.841.462	15.877.139.513
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Mua hàng	-	-
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Mua hàng	2.235.466.274	2.460.476.673
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	Mua hàng	11.925.465.338	11.989.951.383
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Mua hàng	7.089.800	214.160.254
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia Cầm	Mua hàng	-	7.146.375
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Mua hàng	20.537.000	306.636.213
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Mua hàng	722.999.848	709.488.182
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Mua hàng	31.263.600	51.522.367
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Mua hàng	31.760.578	1.407.273
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Mua hàng	55.971.700	22.683.500
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Mua hàng	124.287.324	113.667.293

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Nhận cổ tức	Năm 2022	Năm 2021
	13.631.479.995	16.443.459.826
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	2.225.000.000	2.292.000.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền	5.851.300.616	5.917.037.109
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	2.565.507.779	1.929.655.217
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	118.650.000	932.250.000
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	417.711.600	440.923.500
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	1.200.000.000	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	773.600.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Toàn Cầu	479.710.000	671.594.000
d) Số dư với các bên liên quan		
<i>Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:</i>		
Bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
I. Phải thu khách hàng	145.967.518.073	132.114.679.937
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	33.367.270.029	32.312.522.393
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	74.383.869.037	68.852.293.398
Công ty Cổ phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	5.693.394.938	5.077.196.938
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	10.021.573	178.840.173
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	558.862.575	354.705.606
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	19.996.285.365	18.271.634.230
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	847.361.782	23.763.409
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	3.868.487.655	-
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	110.819.466	110.819.466
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	328.021.329	129.780.000
II. Phải thu về cho vay ngắn hạn	153.367.822.067	111.555.622.067
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	41.812.200.000	-
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
III. Phải trả người bán	1.139.312.243	6.398.442.603
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.092.074.043	1.092.481.361
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	7.878.000	260.541.579
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	39.360.200	5.045.419.663

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**d) Số dư với các bên liên quan***Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau*

Bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
III. Trả trước cho người bán	58.929.337.074	78.262.827.043
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng thương mại Hà Nội	17.234.278	134.341.096
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	28.605.141.331	28.605.141.331
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	-	55.975.386
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	28.506.961.465	28.506.961.465
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	-	19.160.407.765
IV. Phải thu khác	9.703.102.253	9.957.129.693
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	7.601.161.388
Công ty Cổ phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	1.100.795.813	1.100.795.813
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	169.673.555	169.673.555
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	831.471.497	699.220.012
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	-	386.278.925
V. Nhận ký quỹ, ký cược	94.380.000	94.380.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	94.380.000	94.380.000
VI. Ký quỹ, ký cược	400.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	400.000	-

8.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đăng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN